TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 19-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Nhớ - Kiểm sát viên.

Ông Nguyễn Việt Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1991, tên gọi khác: T1, tại huyện C, tỉnh Tiền Giang; quê quán: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị T; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu T:

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1966 là mẹ của bị cáo T (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T*:

Luật sư Nguyễn Văn D, thuộc Văn Phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Bị hại*:

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966 (xin vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 (xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hữu T làm thuê cho chị Nguyễn Thị T nên biết chị T thường đậu ghe máy dưới kênh cách nhà chị T khoảng 30m. Vào ngày 03/8/2018, bị cáo không còn làm thuê cho chị T nữa và bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp ghe máy của chị T để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/8/2018, bị cáo chuẩn bị sẵn 01 lưỡi cưa sắt và đi đến nơi ghe máy của chị T đang neo đậu, thấy ghe máy được chị T khóa lại bằng sợi dây sắt và ổ khóa, bị cáo sử dụng lưỡi cưa sắt cưa ổ khóa và lấy cây búa có sẵn dưới ghe đập gãy ổ khóa, mở được sợi dây sắt, bị cáo lấy trộm ghe máy và điều khiển đến ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo đậu ghe máy dưới kênh, phía trước chùa P, bị cáo gởi cho anh Phạm Văn C là trụ trì chùa P trông coi. Bị cáo kêu bán ghe máy nhưng không có người mua. Đến ngày 20/8/2018, Cơ quan Công an phát hiện và tạm giữ chiếc ghe máy.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn và 01 máy dầu hiệu Yamaha 3.

+ 01 cái búa bằng sắt dài 35 cm loại nhỏ để đóng trên ghe đã qua sử dụng và 01 cộng kẻm nhỏ dài 50 cm đã qua sử dụng.

Theo bản kết luận định giá số: 37/HĐĐGTS ngày 05/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: Ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn trị giá 15.000.000 đồng; máy dầu hiệu Yamaha 3 trị giá 30.000.000 đồng.

Tổng trị giá 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn và 01 máy dầu hiệu Yamaha 3 là 45.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã trao trả lại 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn, 01 máy dầu hiệu Yamaha 3, 01 cái búa bằng sắt dài 35 cm loại nhỏ để đóng trên ghe đã qua sử dụng và 01 cộng kẻm nhỏ dài 50 cm đã qua sử dụng cho bị hại chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T, chị T và anh T đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Đối với lưỡi cưa bằng sắt của bị cáo T và ổ khóa của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trên đường tẩu thoát, bị cáo đã ném xuống kênh không xác định được vị trí, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có kết quả.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số: 654/KL-VPYTW ngày 28/12/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay : Đương sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu T là bà Huỳnh Thị T có ý kiến trình bày như sau: Việc bị cáo T trộm cắp tài sản của người khác thế nào thì bà không biết, đến khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy mời bị cáo lên làm việc thì bà mới biết bị cáo trộm 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn và 01 máy dầu hiệu Yamaha 3 của bị hại chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T. Bà xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền

Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào Điều 173; điểm i,q,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 12 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại đủ tài sản và có lời khai thể hiện trong hồ sơ không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn, 01 máy dầu hiệu Yamaha 3, 01 cái búa bằng sắt dài 35 cm, loại nhỏ để đóng trên ghe đã qua sử dụng và 01 cộng kẻm nhỏ dài 50 cm đã qua sử dụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã giao trả lại tài sản trên cho bị hại là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Đối với lưỡi cưa bằng sắt của bị cáo và ổ khóa của bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trên đường tẩu thoát, bị cáo đã ném xuống kênh không xác định được vị trí, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có kết quả nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T có ý kiến cho rằng: Thống nhất về tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt cho bị cáo mà phía đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo với mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố

tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C vắng mặt không có lý do nhưng anh T, chị T và anh C đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của anh T, chị T và anh C không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T và anh C.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/8/2018, tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Nguyễn Hữu T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn và 01 máy dầu hiệu Yamaha 3 tổng trị giá 45.000.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như nêu trên mà bị cáo thực hiện đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo tội danh "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Vì tư lợi cá nhân và để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã nêu. Hành vi của bị cáo thể hiện sự tham lam, liều lĩnh, coi thường pháp luật cần phải được xử lý nghiêm nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lời khai của bị hại Nguyễn Thị T tại cơ quan điều tra có ý kiến bãi nại trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và trước lần phạm tội này, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, phòng ngừa và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại đủ tài sản và có lời khai thể hiện trong hồ sơ không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn, 01 máy dầu hiệu Yamaha 3, 01 cái búa bằng sắt dài 35 cm loại nhỏ để đóng trên ghe đã qua sử dụng và 01 cộng kẻm nhỏ dài 50 cm đã qua sử dụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã giao trả lại tài sản cho bị hại là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Đối với lưỡi cưa bằng sắt của bị cáo và ổ khóa của bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trên đường tẩu thoát, bị cáo đã ném xuống kênh không xác định được vị trí, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đối với anh Phạm Văn C lúc nhận trông giữ ghe bằng gỗ gắn biển số TG-105.28, trọng tải toàn phần 1,4 tấn, 01 máy dầu hiệu Yamaha 3 không biết do bị cáo Nguyễn Hữu T trộm cắp có được nên anh Phạm Văn C không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo

quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào Điều 173; điểm i,q,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tiếp tục duy trì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Cai Lậy;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THA dân sự huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy